

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ
QUÝ II NĂM 2024**

ĐƠN VỊ BÁO CÁO: CÔNG TY CP VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ: Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường Kênh Dương - Quận Lê Chân - TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính Công ty mẹ

Cho Quý II năm 2024 kết thúc ngày 30/06/2024

**DANH MỤC BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ II NĂM 2024**

<i>STT</i>	<i>BIỂU SỐ</i>	<i>NỘI DUNG BIỂU</i>	<i>KÝ BÁO CÁO</i>	<i>TRANG</i>
1	B01-DN	BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	QUÝ II NĂM 2024	1-2
2	B02-DN	BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	QUÝ II NĂM 2024	3-3
3	B03-DN	BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	QUÝ II NĂM 2024	4-4
4	B09-DN	BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	QUÝ II NĂM 2024	5-21

Người lập

Nguyễn Bảo Ngọc

Kế toán trưởng

Trần Thị Thanh Hương

Tổng giám đốc



Dương Ngọc Tú

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ: Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường Kênh Dương - Quận Lê Chân - TP. Hải Phòng

Mẫu số : B01-DN

Báo cáo tài chính Công ty mẹ

Cho Quý II năm 2024 kết thúc ngày 30/06/2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Quý II năm 2024

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NGÀY 30/06/2024	NGÀY 01/01/2024
1	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		427.385.484.035	373.450.609.598
(100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)				
I - Tiền	110	V.1	275.849.507.822	221.084.835.176
1 - Tiền	111		275.849.507.822	206.084.835.176
2 - Các khoản tương đương tiền	112			15.000.000.000
II - Các khoản đầu tư TC ngắn hạn	120	V.2	61.000.000.000	60.000.000.000
3 - Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		61.000.000.000	60.000.000.000
III - Các khoản phải thu ngắn hạn	130		16.236.894.059	40.030.805.702
1 - Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	5.817.340.935	23.833.808.430
2 - Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		6.251.047.643	11.490.207.808
6 - Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	13.675.197.334	14.213.481.317
7 - Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.5	(9.506.691.853)	(9.506.691.853)
IV - Hàng tồn kho	140		44.043.308.595	32.055.438.765
1 - Hàng tồn kho	141	V.6	44.043.308.595	32.055.438.765
V - Tài sản ngắn hạn khác	150		30.255.773.559	20.279.529.955
1 - Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.12	2.412.853.642	3.023.525.620
2 - Thuế GTGT được khấu trừ	152		25.332.746.899	14.725.601.561
3 - Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.16	2.510.173.018	2.530.402.774
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		201.425.008.455	236.523.762.644
(200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)				
II - Tài sản cố định	220		152.445.171.743	140.939.021.046
1 - Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	152.430.416.176	140.887.682.136
- Nguyên giá	222		1.104.173.109.805	1.323.978.959.820
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(951.742.693.629)	(1.183.091.277.684)
2 - Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3 - Tài sản cố định vô hình	227	V.9	14.755.567	51.338.910
- Nguyên giá	228		664.654.500	664.654.500
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(649.898.933)	(613.315.590)
III - Bất động sản đầu tư	230	V.11	3.036.480.013	3.432.542.629
- Nguyên giá	231		23.700.004.651	23.700.004.651
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(20.663.524.638)	(20.267.462.022)
IV - Tài sản dở dang dài hạn	240	V.7	-	49.739.044.253
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	49.739.044.253
V - Đầu tư tài chính dài hạn	250		5.135.153.605	5.087.993.205
1 - Đầu tư vào công ty con	251		5.000.000.000	5.000.000.000
3 - Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2	537.428.525	537.428.525
4 - Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254	V.2	(402.274.920)	(449.435.320)
VI - Tài sản dài hạn khác	260		40.808.203.094	37.325.161.511
1 - Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	40.808.203.094	37.325.161.511
2 - Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.21	-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		628.810.492.490	609.974.372.242

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ: Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường Kênh Dương - Quận Lê Chân - TP. Hải Phòng

Mẫu số : B01-DN

Báo cáo tài chính Công ty mẹ

Cho Quý II năm 2024 kết thúc ngày 30/06/2024

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NGÀY 30/06/2024	NGÀY 01/01/2024
1	2	3	4	5
A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		91.354.950.705	94.931.465.458
I - Nợ ngắn hạn	310		90.495.548.645	94.725.960.843
1 - Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	19.772.610.415	14.451.919.979
2 - Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		352.083.955	2.000.000.000
3 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	6.254.741.740	7.657.199.703
4 - Phải trả người lao động	314		14.888.793.962	28.239.430.795
5 - Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	15.208.471.922	1.653.991.957
8 - Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.19	2.654.104.378	399.673.505
9 - Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	15.059.302.164	28.047.956.134
10 - Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	-	-
12 - Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		16.305.440.109	12.275.788.770
II - Nợ dài hạn	330		859.402.060	205.504.615
8 - Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.14	-	-
11 - Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.21	859.402.060	205.504.615
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		537.455.541.785	515.042.906.784
I - Vốn chủ sở hữu	410	V.22	537.455.541.785	515.042.906.784
1 - Vốn góp của chủ sở hữu	411		200.000.000.000	200.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		200.000.000.000	200.000.000.000
8 - Quỹ đầu tư phát triển	418		309.906.985.045	145.900.399.266
11 - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		27.548.556.740	169.142.507.518
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		169.459.786	133.722.357.597
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		27.379.096.954	35.420.149.921
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		628.810.492.490	609.974.372.242

Lập ngày 10 tháng 07 năm 2024

Người lập biểu



Nguyễn Bảo Ngọc

Kế toán trưởng



Trần Thị Thanh Hương

Tổng giám đốc



Dương Ngọc Tú

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ: Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường Kênh Dương - Quận Lê Chân - TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính Công ty mẹ

Cho Quý II năm 2024 kết thúc ngày 30/06/2024

Mẫu số : B02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Quý II năm 2024

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	QUÝ II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý II	
			QUÝ II NĂM 2024	Quý II NĂM 2023	NĂM 2024	NĂM 2023
1	2	3	4	5	6	7
1 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.24	157.753.573.314	126.675.903.253	280.165.497.165	295.979.401.859
2 - Các khoản giảm trừ	02				-	
3 - Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	VI.26	157.753.573.314	126.675.903.253	280.165.497.165	295.979.401.859
4 - Giá vốn hàng bán	11	VI.27	148.416.965.388	121.254.295.995	273.973.605.457	282.467.604.431
5 - Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		9.336.607.926	5.421.607.258	6.191.891.708	13.511.797.428
6 - Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.28	5.232.417.519	4.118.846.344	10.870.235.105	10.228.387.336
7 - Chi phí tài chính	22	VI.29	182.781.143	939.467.563	261.965.757	5.901.450.970
Trong đó : Chi phí lãi vay	23		-	810.436.111	-	1.678.892.562
8 - Chi phí bán hàng	25	VI.32	2.270.837.417	3.411.239.008	4.391.908.009	5.877.404.020
9 - Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.32	6.256.817.923	4.742.330.144	10.940.850.042	10.160.461.380
10 - Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh 30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)	30		5.858.588.962	447.416.887	1.467.403.005	1.800.868.394
11 - Thu nhập khác	31	VI.30	28.833.337.897	13.402.229	33.393.983.640	26.201.004
12 - Chi phí khác	32	VI.31	404.190.720	91.957.200	404.190.720	442.136.868
13 - Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		28.429.147.177	(78.554.971)	32.989.792.920	(415.935.864)
14 - Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		34.287.736.139	368.861.916	34.457.195.925	1.384.932.530
15 - Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.34	6.254.741.740	90.918.109	6.254.741.740	326.478.928
16 - Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.35	653.897.445	-	653.897.445	-
17 - Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		27.379.096.954	277.943.807	27.548.556.740	1.058.453.602
18 - Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		1.369	14	1.377	53
19 - Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71					

Lập ngày 10 tháng 07 năm 2024

Người lập biểu



Nguyễn Bảo Ngọc

Kế toán trưởng



Trần Thị Thanh Hương

Tổng giám đốc



Dương Ngọc Tú

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ: Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường Kênh Dương - Quận Lê Chân - TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính Công ty mẹ

Cho Quý II năm 2024 kết thúc ngày 30/06/2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Quý II năm 2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý II	
			năm 2024	năm 2023
1	2	3	4	5
I - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1 - Lợi nhuận trước thuế	01		34.457.195.925	1.384.932.530
2 - Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		38.771.875.155	44.273.954.032
- Các khoản dự phòng	03		(47.160.400)	(356.573.678)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(4.291.937.536)	80.440.457
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(30.407.340.153)	(5.605.105.257)
- Chi phí lãi vay	06			1.678.892.562
- Các khoản điều chỉnh khác	07			
3 - Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		38.482.632.991	41.456.540.646
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		9.586.368.888	(10.192.088.058)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(11.987.869.830)	18.680.702.944
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(5.211.334.664)	(59.389.860.398)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(2.872.369.605)	(652.359.253)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13			
- Tiền lãi vay đã trả	14		(13.878.198.611)	(497.041.096)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(7.505.444.909)	(8.285.270.028)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		8.100.000	
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.114.370.400)	(739.700.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		5.507.513.860	(19.619.075.243)
II - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1 - Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(22.894.265.159)	(13.608.276.252)
2 - Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		66.901.675.521	
3 - Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(31.000.000.000)	(110.000.000.000)
4 - Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		30.000.000.000	120.554.520.548
7 - Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.980.018.501	4.908.823.186
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	30		44.987.428.863	1.855.067.482
III - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1 - Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	
2 - Tiền chi trả vốn góp cho các chủ SH, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	
3 - Tiền thu từ đi vay	33	VII	-	-
4 - Tiền trả gốc vay	34	VII		(18.769.000.000)
5 - Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35			
6 - Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính	40		-	(18.769.000.000)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ (50 = 20+30+40)	50		50.494.942.723	(36.533.007.761)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	60		221.084.835.176	237.371.958.697
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		4.269.729.923	(100.171.064)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ (70 = 50+60+61)	70		275.849.507.822	200.738.779.872

NGƯỜI LẬP BIỂU



Nguyễn Bảo Ngọc

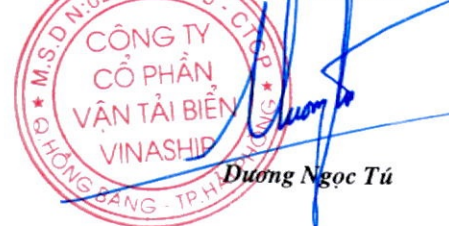
KẾ TOÁN TRƯỞNG



Trần Thị Thanh Hương

Lập ngày 10 tháng 07 năm 2024

TỔNG GIÁM ĐỐC



Dương Ngọc Tú

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường Kênh Dương - Quận Lê Chân -TP. Hải phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

Cho Quý II năm 2024 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Mẫu số B09-DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUY II NĂM 2024

I - ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1- Hình thức sở hữu vốn : Công ty cổ phần, Tổng công ty Hàng hải Việt Nam sở hữu 51%

- Công ty có trụ sở chính đặt tại địa chỉ số 14 Võ Nguyên Giáp ,phường Kênh Dương, quận Lê Chân, thành phố Hải phòng.

- Tại thời điểm 30/06/2024, Công ty có các đơn vị phụ thuộc sau :

+ Các chi nhánh :

Chi nhánh Hồ Chí Minh tại 5E Nguyễn Đình Chiểu, quận I, Tp Hồ Chí Minh

Chi nhánh Đà Nẵng tại 26 Nguyễn chí Thanh, thành phố Đà Nẵng

Chi nhánh Quảng ninh tại 73 Lê Thánh Tông, thành phố Hạ Long

- Công ty con: 01 công ty con được hợp nhất

Công ty TNHH Dịch vụ hàng hải Vinaship tại 280 Ngô Quyền, phường Vạn Mỹ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

- Tại thời điểm 30/06/2024, Công ty mẹ có tổng số cán bộ công nhân viên là 292 người.

2- Lĩnh vực kinh doanh : vận tải đường biển

3- Ngành nghề kinh doanh :

- Kinh doanh vận tải biển;

- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;

- Dịch vụ đại lý tàu biển; dịch vụ đại lý vận tải đường biển; dịch vụ giao nhận,nâng cầu, kiểm đếm hàng hóa; dịch vụ khai thuế hải quan; dịch vụ môi giới thuê tàu biển; môi giới hàng hải; dịch vụ cung ứng tàu biển; dịch vụ logistics; đại lý vé máy bay, vé tàu; dịch vụ môi giới vận tải; dịch vụ vận tải đa phương thức; đại lý container; khai thác cảng, biển; dịch vụ quản lý tàu;

- Dịch vụ hợp tác lao động ;

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày : khách sạn, nhà khách, nhà nghỉ ;

- Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa;

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;

- Bán buôn kinh doanh phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại;

- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải biển;

- Bốc xếp hàng hóa;

- Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa;...

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường Kênh Dương - Quận Lê Chân -TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

Cho Quý II năm 2024 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

4- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong Quý II năm 2024 có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Thị trường vận tải biển quốc tế nhóm tàu hàng khô trong quý II có sự phục hồi trong tháng 04 và giữ ở mức ổn định trong 02 tháng tiếp theo khi BDI duy trì quanh ngưỡng 1800-2000 điểm. Vì vậy, doanh thu vận tải biển thực hiện trong kỳ nhìn chung có tăng trưởng hơn quý 1 năm 2024. Thêm vào đó, doanh thu từ các hoạt động khác như dịch vụ thuê tàu ngoài cũng tăng vượt trội so với quý 1 và cùng kỳ năm trước, đóng góp vào việc hoàn thành vượt chỉ tiêu kế hoạch về doanh thu trong quý 2 và 6 tháng đầu năm 2024. Tuy nhiên, diễn biến giá nhiên liệu trong thị trường thế giới trong quý 2/2024 có nhiều biến động nhưng xu hướng tăng là chủ yếu do chịu nhiều ảnh hưởng của các yếu tố căng thẳng địa chính trị Trung Đông, động thái cắt giảm sản lượng dầu tự nguyện của OPEC+, cộng thêm với mức tiêu thụ dầu của đội tàu Công ty trong kỳ tăng do tỷ trọng tàu cho thuê định hạn giảm khiến chi phí nhiên liệu thực hiện trong kỳ cao. Do vậy, lợi nhuận hoạt động vận tải biển tuy đã có cải thiện đáng kể so với quý liền trước và cùng kỳ năm ngoái nhưng vẫn thấp hơn mức kỳ vọng.

Trong tháng 06 năm 2024, Công ty bán thành công tàu Vinaship Star, đem về khoản lợi nhuận 28 tỷ đồng, hoàn thành kế hoạch thanh lý tàu già cũ trong 06 tháng đầu năm.

II – KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN :

- 1- Kỳ kế toán quý II:** bắt đầu từ ngày 01/04 kết thúc vào ngày 30/06 của năm. Kỳ kế toán quý II năm 2024 bắt đầu từ ngày 01/04/2024 đến 30/06/2024.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán : Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt nam.

III – CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG :

1- Chế độ kế toán áp dụng : Theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 53/2016/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC. Thông tư số 202/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2- Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán :

- Công ty tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt nam đã được công bố.
- Công ty thực hiện theo đúng quy định của chế độ kế toán hiện hành.

3- Hình thức kế toán áp dụng :

- Tổ chức công tác kế toán tập trung.
- Hình thức sổ kế toán áp dụng : Phần mềm kế toán.

IV- CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG :

1- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền, tương đương tiền; nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán :

- Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền : các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

- Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép là Đồng Việt nam. Đối với nghiệp vụ liên quan đến tiền, các khoản phải thu, phải trả đồng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt nam. Việc quy đổi đồng ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo Tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch. Tỷ giá xấp

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường Kênh Dương - Quận Lê Chân -TP. Hải phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

Cho Quý II năm 2024 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

xi đảm bảo chênh lệch không vượt quá +/-1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình. Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác định hàng tháng trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại.

Cuối niên độ kế toán quý, năm đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ:

- Đối với các khoản tiền gửi và tiền vay tại các ngân hàng: đánh giá theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại.
- Đối với các khoản phải thu, phải trả khác: đánh giá theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên giao dịch.

2- Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho :

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho : theo giá gốc.
- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho : giá bình quân gia quyền
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho : kê khai thường xuyên
- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho : thực hiện theo thông tư số 48/2019/TT/BTC ngày 08/8/2019 của Bộ

tài chính.

Việc quản lý hàng tồn kho theo chuẩn mực kế toán số 02.

3- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ :

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình , vô hình : Theo chuẩn mực kế toán 03,04 và thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực TT 89/2002/TT-BTC ngày 9/10/2002 của Bộ tài chính; thông tư số 45/2013/TT- BTC ngày 25/04/2013, thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài Chính. Ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình theo nguyên giá. Trong Bảng cân đối kế toán được phản ánh theo 3 chỉ tiêu: Nguyên giá, hao mòn lũy kế, giá trị còn lại.

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ thuê tài chính : theo Chuẩn mực số 06; Thông tư hướng dẫn chuẩn mực số 105/2003/TT-BTC ngày 4/11/2003 của Bộ Tài chính.

- Phương pháp khấu hao và thời gian sử dụng hữu ích TSCĐ hữu hình và vô hình : trích khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng và xác định thời gian sử dụng hữu ích TSCĐ thực hiện theo thông tư số 45/2013/TT- BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài Chính.

4- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Bất động sản đầu tư :

- Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư : theo Chuẩn mực số 05- Bất động sản đầu tư và Thông tư hướng dẫn chuẩn mực số 23/2005/TT-BTC -30/3/2005 của Bộ Tài Chính. Ghi nhận bất động sản đầu tư theo nguyên giá.

- Nguyên tắc và phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư : trích khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng và xác định thời gian sử dụng hữu ích TSCĐ thực hiện theo thông tư số 45/2013/TT- BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài Chính.

5- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính :

- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào Công ty con theo Chuẩn mực số 25, Công ty liên kết theo Chuẩn mực số 07, Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo Chuẩn mực số 08.

- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn : Các khoản đầu tư có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm, được ghi nhận theo giá gốc.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường Kênh Dương - Quận Lê Chân -TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

Cho Quý II năm 2024 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán dài hạn : Các khoản đầu tư có thời thu hồi vốn từ 1 năm trở lên. Ghi nhận các khoản đầu tư tài chính theo giá gốc.

- Tại ngày lập báo cáo tài chính, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá chứng khoán.

- Dự phòng giảm giá chứng khoán, hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán được thực hiện theo thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/8/2019 của Bộ tài chính.

6- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay :

- Chính sách kế toán được áp dụng cho chi phí đi vay: Thực hiện theo chuẩn mực 16 “ Chi phí đi vay” và Thông tư hướng dẫn chuẩn mực TT105/2003/TT-BTC ngày 4/11/2003 : Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá. Việc vốn hoá chi phí đi vay vào giá trị tài sản dở dang được bắt đầu khi phát sinh chi phí đi vay trong thời gian đầu tư xây dựng, sản xuất dở dang cho đến tài sản đầu tư đã hoàn thành đưa vào sử dụng.

7- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác :

- Chi phí trả trước : Khi phát sinh khoản chi phí lớn, có liên quan đến nhiều kỳ hạch toán kế toán.

- Phương pháp phân bổ chi phí trả trước : Từng kỳ hạch toán, kế toán phân bổ chi phí trả trước cho số kỳ liên quan. Chi phí sửa chữa lớn tàu biển sau khi hoàn thành sửa chữa sẽ được phân bổ vào chi phí trong thời gian tối đa 03 năm.

8- Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả :

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất , kinh doanh của kỳ báo cáo.

9- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả :

- Nguyên tắc ghi nhận : theo chuẩn mực số 18 “ Các khoản dự phòng và nợ tiềm tàng” : Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra; sự giảm sút về những lợi ích kinh tế ; có một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

- Phương pháp ghi nhận : được hướng dẫn tại Thông tư số 21/2006/TT-BTC ngày 20/3/2006 : Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Khoản dự phòng phải trả được lập vào cuối niên độ kế toán.

10- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu :

- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu , thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu :

+ Vốn đầu tư của chủ sở hữu : ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

+ Thặng dư vốn cổ phần : ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu.

+ Vốn khác của chủ sở hữu: ghi nhận theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân biếu tặng sau khi trừ đi khoản thuế phải nộp liên quan đến các tài sản này.

- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá : Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính, thông tư 53/2016/TT-BTC.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường Kênh Dương - Quận Lê Chân - TP. Hải phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

Cho Quý II năm 2024 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối : chênh lệch giữa doanh thu, thu nhập trừ đi chi phí ,thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm nay; các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước được hạch toán vào lợi nhuận chưa phân phối.

11- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu :

Doanh thu được ghi nhận theo Chuẩn mực số 14 “ Doanh thu và thu nhập khác”, Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực số 105/2003/TT-BTC ngày 4/11/2003 của BTC.

- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng : Khi Công ty đã chuyển giao quyền sở hữu hàng hoá, sản phẩm và xuất hoá đơn bán hàng, được người mua chấp nhận thanh toán.

- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ : Khi công ty hoàn thành việc cung cấp dịch vụ cho người mua; hoàn thành hợp đồng. Đối với trường hợp hoạt động dịch vụ diễn ra trong nhiều kỳ, doanh thu sẽ được phân bổ theo tỷ lệ hoàn thành tại ngày cuối kỳ.

- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính :

+ Đối với lãi cho vay, lãi tiền gửi, lãi đầu tư trái phiếu thì thời điểm xác định doanh thu theo thời gian của hợp đồng cho vay hoặc kỳ nhận lãi.

+ Cổ tức, lợi nhuận được chia xác định khi có quyết định, nghị quyết hoặc thông báo được chia.

+ Lãi chuyển nhượng chứng khoán.

+ Lãi bán ngoại tệ, chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh xác định khi các giao dịch hoặc nghiệp vụ hoàn thành.

12- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính :

Ghi nhận chi phí tài chính các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh, lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản công nợ có gốc ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính cuối quý, năm.

13- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại : theo Chuẩn mực số 17, Thông tư hướng dẫn chuẩn mực số 20/2006/TT-BTC ngày 20/3/2006 của BTC.

14- Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái : Không có

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ: Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường Kênh Dương - Quận Lê Chân - TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính Công ty mẹ

Cho Quý II năm 2024 kết thúc ngày 30/06/2024

v- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	<u>Ngày 30/06/2024</u>	<u>Ngày 01/01/2024</u>
1- Tiền		
- Tiền mặt	598.441.000	301.261.000
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	275.251.066.822	205.783.574.176
- Các khoản tương đương tiền		15.000.000.000
Cộng	<u>275.849.507.822</u>	<u>221.084.835.176</u>
2- Các khoản đầu tư tài chính	<u>Ngày 30/06/2024</u>	<u>Ngày 01/01/2024</u>
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	61.000.000.000	60.000.000.000
b1) Ngắn hạn	61.000.000.000	60.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn	61.000.000.000	60.000.000.000
c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	5.537.428.525	5.537.428.525
- Đầu tư góp vốn vào công ty con	5.000.000.000	5.000.000.000
+ Góp vốn bằng tiền mặt	4.207.068.905	4.207.068.905
+ Góp vốn bằng tài sản cố định	620.639.567	620.639.567
+ Góp vốn bằng hàng tồn kho	172.291.528	172.291.528
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		
- Đầu tư cổ phiếu	537.428.525	537.428.525
<i>Chi tiết đầu tư cổ phiếu tính đến 30/06/2024</i>		
Công ty CP vận tải và thuê tàu biển Việt Nam : 33.686 CP	537.018.920	537.018.920
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam: 12 CP	409.605	409.605
Cộng	<u>66.537.428.525</u>	<u>65.537.428.525</u>
d) Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		
Công ty CP vận tải và thuê tàu biển Việt Nam: 33.686 CP	(402.274.920)	(449.435.320)
Cộng	<u>(402.274.920)</u>	<u>(449.435.320)</u>
3- Phải thu ngắn hạn của khách hàng	<u>Ngày 30/06/2024</u>	<u>Ngày 01/01/2024</u>
- Công ty TNHH vận tải hàng công nghệ cao	140.068.609	93.569.673
- Ngân hàng TMCP Quốc tế VN	1.018.575.000	-
- Các khoản phải thu của khách hàng khác	4.658.697.326	23.740.238.757
Cộng	<u>5.817.340.935</u>	<u>23.833.808.430</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ: Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường Kênh Dương - Quận Lê Chân - TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính Công ty mẹ

Cho Quý II năm 2024 kết thúc ngày 30/06/2024

	<u>Ngày 30/06/2024</u>	<u>Ngày 01/01/2024</u>
4- Các khoản phải thu ngắn hạn khác		
- Tam ứng	3.007.417.972	2.937.560.671
- Ký cược, ký quỹ	692.000.000	692.000.000
- Phải thu tiền bảo hiểm về trách nhiệm dân sự và thân tàu của tàu biển	1.612.939.541	1.935.659.086
- Phải thu về sửa chữa tàu chi hộ Công ty Vinashinlines	7.342.487.574	7.342.487.574
- Bảo hiểm tai nạn	8.471.886	8.471.886
- Bảo hiểm xã hội	251.159.608	174.862.168
- Bảo hiểm thất nghiệp	-	-
- Lãi dự thu	741.849.313	1.101.568.492
- Các khoản phải thu khác	18.871.440	20.871.440
+ Phải thu khác	<u>18.871.440</u>	<u>20.871.440</u>
Cộng	<u>13.675.197.334</u>	<u>14.213.481.317</u>
5- Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		
- CN Bạch Đằng - Cty TNHH MTV Duyên Hải	247.550.379	247.550.379
- Công ty Vinashinlines	7.342.487.574	7.342.487.574
- Cty CP thương mại vận tải Thiên Thành	158.378.400	158.378.400
- Cty TNHH Giao nhận vận tải Hoàng Kim Phát	1.104.934.000	1.104.934.000
- Nguyễn Văn Bình	358.500.000	358.500.000
- Cty TNHH Thương mại và sản xuất ABC	95.761.500	95.761.500
- Cty TNHH Xây dựng sản xuất thương mại Hoàng Hà	<u>199.080.000</u>	<u>199.080.000</u>
Cộng	<u>9.506.691.853</u>	<u>9.506.691.853</u>
6- Hàng tồn kho		
- Nguyên liệu, vật liệu	39.426.087.298	32.055.438.765
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	<u>4.617.221.297</u>	
Cộng	<u>44.043.308.595</u>	<u>32.055.438.765</u>
	<u>Ngày 30/06/2024</u>	<u>Ngày 01/01/2024</u>
7- Xây dựng cơ bản dở dang		
+ Chi phí xây dựng lô đất TM8 khu vực đường Hồ Sen	-	48.614.897.953
+ Sửa chữa lớn tài sản cố định	<u>-</u>	<u>1.124.146.300</u>
Cộng	<u>-</u>	<u>49.739.044.253</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ: Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường Kênh Dương - Quận Lê Chân - TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính Công ty mẹ

Cho Quý II năm 2024 kết thúc ngày 30/06/2024

8 - Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình 06 tháng đầu năm 2024

CHỈ TIÊU	NHÓM TSCĐ	NHÀ CỬA VẬT KIẾN TRÚC	PH. TIỆN VẬN TẢI TRUYỀN DẪN	MÁY MÓC THIẾT BỊ	DỤNG CỤ QUẢN LÝ	TỔNG CỘNG
I - NGUYÊN GIÁ						
1. Số dư đầu kỳ		6.905.725.306	1.316.732.975.567	60.431.830	279.827.117	1.323.978.959.820
2. Số tăng trong kỳ		76.578.367.276	-	5.037.511.011	6.069.174.981	87.685.053.268
Trong đó:						
- Do mua sắm					219.174.980	219.174.980
- Đầu tư XD/CB hoàn thành		76.578.367.276		5.037.511.011	5.850.000.001	87.465.878.288
- Chuyển từ Bất động sản đầu tư sang						-
3. Số giảm trong kỳ		46.958.605	307.443.944.678	-	-	307.490.903.283
Trong đó:						
- Thanh lý, nhượng bán		46.958.605	307.443.944.678			307.490.903.283
- Khác						-
4. Số cuối kỳ		83.437.133.977	1.009.289.030.889	5.097.942.841	6.349.002.098	1.104.173.109.805
Trong đó:						
- Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng		3.404.646.756	286.932.972.170	60.431.830	183.772.571	290.581.823.327
- Chờ thanh lý						-
II - GIÁ TRỊ HAO MÓN LŨY KẾ						
1. Đầu kỳ		5.773.169.544	1.177.041.294.282	60.431.830	216.382.028	1.183.091.277.684
2. Tăng trong kỳ		123.568.173	38.167.389.085	13.624.615	34.647.323	38.339.229.196
- Khấu hao		123.568.173	38.167.389.085	13.624.615	34.647.323	38.339.229.196
- Chuyển từ Bất động sản đầu tư sang						-
3. Giảm trong kỳ		46.182.252	269.641.630.999	-	-	269.687.813.251
- Thanh lý, nhượng bán		46.182.252	269.641.630.999			269.687.813.251
- Khác						-
4. Số cuối kỳ		5.850.555.465	945.567.052.368	74.056.445	251.029.351	951.742.693.629
III - GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
1. Đầu kỳ		1.132.555.762	139.691.681.285	-	63.445.089	140.887.682.136
2. Cuối kỳ		77.586.578.512	63.721.978.521	5.023.886.396	6.097.972.747	152.430.416.176
- Giá trị còn lại của các TSCĐ đã dùng để thế chấp, cầm cố các khoản vay			38.104.737.859			38.104.737.859

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ: Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường Kênh Dương - Quận Lê Chân - TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính Công ty mẹ

Cho Quý II năm 2024 kết thúc ngày 30/06/2024

9 - Tăng, giảm tài sản cố định vô hình 06 tháng năm 2024

CHỈ TIÊU \ NHÓM TSCĐ	QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT	PHẦN MỀM MÁY VI TÍNH	TỔNG CỘNG
I - NGUYÊN GIÁ			
1. Số dư đầu kỳ	-	664.654.500	664.654.500
2. Số tăng trong kỳ	-	-	-
3. Số giảm trong kỳ	-	-	-
4. Số cuối kỳ	-	664.654.500	664.654.500
II - GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
1. Đầu kỳ	-	613.315.590	613.315.590
2. Tăng trong kỳ	-	36.583.343	36.583.343
- Khấu hao		36.583.343	36.583.343
3. Giảm trong kỳ	-	-	-
4. Số cuối kỳ	-	649.898.933	649.898.933
III - GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
1. Đầu kỳ	-	51.338.910	51.338.910
2. Cuối kỳ	-	14.755.567	14.755.567

10 - Tăng, giảm TSCĐ thuê tài chính 06 tháng đầu năm 2024 : Không có

11 - Tăng, giảm bất động sản đầu tư 06 tháng năm 2024 :

CHỈ TIÊU \ NHÓM TSCĐ	NHÀ CỬA VẬT KIẾN TRÚC	CƠ SỞ HẠ TẦNG	TỔNG CỘNG
I - NGUYÊN GIÁ			
1. Số dư đầu kỳ	23.571.714.505	128.290.146	23.700.004.651
2. Số tăng trong kỳ	-	-	-
3. Số giảm trong kỳ	-	-	-
4. Số cuối kỳ	23.571.714.505	128.290.146	23.700.004.651
II - GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
1. Số dư đầu kỳ	20.139.171.876	128.290.146	20.267.462.022
2. Số tăng trong kỳ	396.062.616	-	396.062.616
- Do chuyển từ TSCĐ sang			-
- Do trích khấu hao	396.062.616		396.062.616
3. Số giảm trong kỳ	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-		-
4. Số dư cuối kỳ	20.535.234.492	128.290.146	20.663.524.638
III - Giá trị còn lại			
1. Số dư đầu kỳ	3.432.542.629	-	3.432.542.629
4. Số dư cuối kỳ	3.036.480.013	-	3.036.480.013

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ: Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường Kênh Dương - Quận Lê Chân - TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính Công ty mẹ

Cho Quý II năm 2024 kết thúc ngày 30/06/2024

	<u>Ngày 30/06/2024</u>		<u>Ngày 01/01/2024</u>	
12- Chi phí trả trước				
a) Ngắn hạn				
- Chi phí bảo hiểm đội tàu	2.391.655.967		2.785.453.620	
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	10.000.000		238.072.000	
- Chi phí chờ phân bổ - CP dùng chung tòa nhà	11.197.675			
Cộng	2.412.853.642		3.023.525.620	
b) Dài hạn				
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	38.737.489.170		37.325.161.511	
- Chi phí trả trước dài hạn khác	2.070.713.924		-	
Cộng	40.808.203.094		37.325.161.511	
14- Vay và nợ thuê tài chính		<u>Ngày 30/06/2024</u>		<u>Ngày 01/01/2024</u>
15- Phải trả người bán		<u>Ngày 30/06/2024</u>		<u>Ngày 01/01/2024</u>
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn				
Cty CP dầu nhờn quốc tế Việt Mỹ	1.038.285.040		-	
PT Indofuels Limited	8.948.188.605		-	
Công ty TNHH thương mại xăng dầu Thành Long	5.661.352.000		4.434.000.000	
Phải trả các đối tượng khác	4.124.784.770		10.017.919.979	
Cộng	19.772.610.415		14.451.919.979	
16- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	<u>Ngày 30/06/2024</u>	<u>Số đã nộp</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Ngày 01/01/2024</u>
a) Phải nộp				
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	101.020.306	101.020.306	-
- Thuế nhập khẩu	-	28.299.516	28.299.516	-
- Thuế TNDN	6.254.741.740	7.505.444.909	6.254.741.740	7.505.444.909
- Thuế môn bài	-	5.000.000	5.000.000	-
- Thuế thu nhập cá nhân	-	148.869.383	(2.885.411)	151.754.794
- Thuế nhà đất	-	423.611.342	423.611.342	-
- Tiền thuê đất	-	-	-	-
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	-	-
Cộng	6.254.741.740	8.212.245.456	6.809.787.493	7.657.199.703

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ: Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường Kênh Dương - Quận Lê Chân - TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính Công ty mẹ

Cho Quý II năm 2024 kết thúc ngày 30/06/2024

b) Phải thu	Ngày 30/06/2024	Số đã nộp	Số phải nộp	Ngày 01/01/2024
- Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	327.308.744	327.308.744		-
- Tiền thuê đất do được bù trừ	2.182.864.274	-	347.538.500	2.530.402.774
- Các khoản khác phải thu của Nhà nước				-
Cộng	2.510.173.018	327.308.744	347.538.500	2.530.402.774
17- Chi phí phải trả	Ngày 30/06/2024			Ngày 01/01/2024
a) Ngắn hạn				
- Trích trước chi phí XDCB lô đất TM8	13.525.262.462			-
- Chi phí phải trả khác	1.683.209.460			1.653.991.957
	15.208.471.922			1.653.991.957
18- Phải trả khác	Ngày 30/06/2024			Ngày 01/01/2024
Ngắn hạn				
- Công đoàn phí	77.695.093			47.662.446
- Kinh phí công đoàn	1.543.680			1.000.000
- Bảo hiểm y tế	88.711.211			98.694.731
- Bảo hiểm thất nghiệp	72.866.813			3.674.333
- Thuế TNCN	2.335.916			-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	6.355.495.213			356.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	6.507.375.000			7.107.375.000
- Phải trả lương tạm giữ của thuyền viên	1.497.660.815			1.586.197.576
- Phải trả lãi vay các tổ chức tín dụng	-			18.410.934.152
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	455.618.423			436.417.896
Cộng	15.059.302.164			28.047.956.134
19- Doanh thu chưa thực hiện	Ngày 30/06/2024			Ngày 01/01/2024
Ngắn hạn				
- Doanh thu nhận trước từ hoạt động vận tải biển	1.930.191.335			367.352.964
- Doanh thu nhận trước tiền thuê văn phòng, bãi xe	723.913.043			32.320.541
Cộng	2.654.104.378			399.673.505
21- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả				
Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-		-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	859.402.060			205.504.615

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ: Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường Kênh Dương - Quận Lê Chân - TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính Công ty mẹ

Cho Quý II năm 2024 kết thúc ngày 30/06/2024

V22- Trình bày những biến động trong nguồn vốn chủ sở hữu:**a - Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu 06 tháng đầu năm 2024**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
A	1	3	4	5
Số dư đầu năm trước	200.000.000.000	82.932.721.854	209.892.258.039	492.824.979.893
Tăng trong năm trước				-
- Tăng vốn trong năm nay				-
- Lãi năm 2023			35.420.149.921	35.420.149.921
- Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm 2022		62.967.677.412	(76.169.900.442)	(13.202.223.030)
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái				-
- Giảm khác				-
Số dư cuối năm trước	200.000.000.000	145.900.399.266	169.142.507.518	515.042.906.784
Số dư đầu năm nay	200.000.000.000	145.900.399.266	169.142.507.518	515.042.906.784
- Lãi Quý I			169.459.786	169.459.786
- Lãi Quý II			27.379.096.954	27.379.096.954
- Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm 2022		133.722.357.597	(133.722.357.597)	-
- Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm 2023		30.284.228.182	(35.420.149.921)	(5.135.921.739)
Số dư cuối ngày 30/06/2024	200.000.000.000	309.906.985.045	27.548.556.740	537.455.541.785

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ: Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường Kênh Dương - Quận Lê Chân - TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính Công ty mẹ

Cho Quý II năm 2024 kết thúc ngày 30/06/2024

	<u>Ngày 30/06/2024</u>	<u>Ngày 01/01/2024</u>
b - Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu:		
<i>Theo danh sách cổ đông chốt ngày 15/03/2024</i>		
- Vốn góp của Tổng công ty Hàng Hải Việt Nam 51% VDL	102.000.000.000	102.000.000.000
- Vốn góp của các cổ đông khác 49% VDL	98.000.000.000	98.000.000.000
Cộng	200.000.000.000	200.000.000.000
c - Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận:		
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu (nguồn vốn kinh doanh)	<u>Ngày 30/06/2024</u>	<u>Ngày 01/01/2024</u>
+ Vốn góp đầu năm	200.000.000.000	200.000.000.000
Cộng	200.000.000.000	200.000.000.000
d) Cổ phiếu	<u>Ngày 30/06/2024</u>	<u>Ngày 01/01/2024</u>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.000.000	20.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	20.000.000	20.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.000.000	20.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000 đ/CP	10.000 đ/CP
	<u>06 tháng năm 2024</u>	<u>06 tháng năm 2023</u>
- Quỹ đầu tư phát triển		
+ Số dư quỹ đầu năm	145.900.399.266	82.932.721.854
+ Tăng trong kỳ	164.006.585.779	62.967.677.412
Do trích lập quỹ đầu tư phát triển từ phân phối lợi nhuận năm 2022	133.722.357.597	62.967.677.412
Do trích lập quỹ đầu tư phát triển từ phân phối lợi nhuận năm 2023	30.284.228.182	-
+ Giảm trong kỳ	-	-
+ Số dư quỹ cuối kỳ	309.906.985.045	145.900.399.266
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	<u>06 tháng năm 2024</u>	<u>06 tháng năm 2023</u>
+ Số dư quỹ đầu năm	12.275.788.770	531.807.740
+ Tăng trong kỳ	5.144.021.739	13.205.203.030
Do trích lập quỹ khen thưởng từ phân phối lợi nhuận năm 2023	2.479.410.494	6.296.767.741
Do trích lập quỹ phúc lợi từ phân phối lợi nhuận năm 2023	2.479.410.495	6.296.767.741
Do trích lập quỹ thưởng ban quản lý điều hành từ phân phối lợi nhuận năm 2023	177.100.750	608.687.548
Được ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng khen thưởng	8.100.000	2.980.000
+ Giảm trong kỳ	1.114.370.400	739.700.000
+ Số dư quỹ cuối kỳ	16.305.440.109	12.997.310.770
23- Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán	<u>Ngày 30/06/2024</u>	<u>Ngày 01/01/2024</u>
a) Ngoại tệ các loại		
-Đồng đô la Mỹ (USD)	10.802.751,61	7.845.081,06
b) Nợ khó đòi đã xử lý	1.180.624.375	1.180.624.375
- Khách hàng Liana	59.231.742	59.231.742
- Khách hàng Sky Ocean Shipping	484.952.633	484.952.633
- Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Tân Đông Thuận	636.440.000	636.440.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ: Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường Kênh Dương - Quận Lê Chân - TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính Công ty mẹ

Cho Quý II năm 2024 kết thúc ngày 30/06/2024

VI- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

	06 tháng năm 2024	06 tháng năm 2023
24- Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (MS 01)		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	280.165.497.165	295.979.401.859
+ Doanh thu hoạt động vận tải biển	220.214.194.301	262.789.310.404
+ Doanh thu hoạt động vận tải biển thuê tàu ngoài	52.765.442.738	31.068.671.513
+ Doanh thu cung cấp hàng hóa, dịch vụ khác	2.356.077.425	2.121.419.942
+ Doanh thu bán hàng	4.829.782.701	-
26- Doanh thu thuần về BG và cung cấp DV (MS 10)	280.165.497.165	295.979.401.859
27- Giá vốn hàng bán (Mã số 11)		
- Giá vốn của hoạt động vận tải biển	217.504.181.357	251.600.470.937
- Giá vốn của hoạt động vận tải biển thuê tàu ngoài	50.269.363.558	30.101.205.825
- Giá vốn của hàng hóa, dịch vụ khác đã cung cấp	1.373.208.894	765.927.669
- Giá vốn hàng bán	4.826.851.648	-
Cộng	273.973.605.457	282.467.604.431
28- Doanh thu hoạt động tài chính (Mã số 21)		
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.620.299.322	5.605.105.257
- Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	4.957.998.247	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	4.291.937.536	4.623.282.079
Cộng	10.870.235.105	10.228.387.336
29- Chi phí tài chính (Mã số 22)		
- Chi phí lãi vay	-	1.678.892.562
- Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	309.057.853	4.189.258.893
- Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	80.440.457
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	(47.160.400)	(47.160.400)
- Chi phí tài chính khác	68.304	19.458
Cộng	261.965.757	5.901.450.970
30- Thu nhập khác		
-Thu nhập thanh lý TSCĐ	67.202.500.000	-
- Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	(38.415.459.169)	-
- Thu nhập do được miễn nghĩa vụ phải trả khoản lãi phạt phải trả ngân hàng	4.532.735.541	-
- Các khoản khác	74.207.268	26.201.004
Cộng	33.393.983.640	26.201.004
31- Chi phí khác		
- Các khoản bị phạt	-	137.733.480
- Các khoản khác	404.190.720	304.403.388
Cộng	404.190.720	442.136.868

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ: Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường Kênh Dương - Quận Lê Chân - TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính Công ty mẹ

Cho Quý II năm 2024 kết thúc ngày 30/06/2024

	<u>06 tháng năm 2024</u>	<u>06 tháng năm 2023</u>
32- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp		
a) Chi phí bán hàng	4.391.908.009	5.877.404.020
Hoa hồng phí cho các tàu	4.391.908.009	5.877.404.020
b) Chi phí quản lý doanh nghiệp	10.940.850.042	10.160.461.380
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	475.424.785	357.472.197
Chi phí nhân công	7.734.897.750	7.556.410.920
Chi phí khấu hao tài sản cố định	434.368.205	412.522.755
Thuế, phí, lệ phí	5.000.000	5.000.000
Chi phí trích lập dự phòng phải thu khó đòi	-	(309.413.278)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	793.272.979	702.887.604
Chi phí khác bằng tiền	1.497.886.323	1.435.581.182
Cộng	<u>15.332.758.051</u>	<u>16.037.865.400</u>
33- Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố		
33.1- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	95.453.772.025	108.626.754.340
- Nhiên liệu	88.072.792.564	99.163.318.672
- Nguyên liệu, vật liệu	7.380.979.461	9.463.435.668
33.2- Chi phí nhân công	32.320.579.800	30.881.283.160
- Tiền lương	26.032.695.000	24.138.335.000
- BHXH	2.481.007.200	2.727.253.200
- Bảo hiểm y tế	264.466.080	310.839.840
- Bảo hiểm thất nghiệp	141.771.840	155.843.040
- Kinh phí công đoàn	283.543.680	311.686.080
- Tiền ăn ca, định lượng, phụ cấp độc hại	3.117.096.000	3.237.326.000
33.4- Chi phí khấu hao tài sản cố định	38.771.875.155	44.273.954.032
33.5- Chi phí dịch vụ mua ngoài	117.461.403.887	102.379.790.228
33.6- Chi phí khác bằng tiền	5.089.102.290	5.024.431.128
Cộng	<u>289.096.733.157</u>	<u>291.186.212.888</u>
34- Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	6.254.741.740	326.478.928
35- Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	653.897.445	-
VII- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ		
	<u>06 tháng năm 2024</u>	<u>06 tháng năm 2023</u>
a) Số tiền đi vay thực thu trong kỳ	-	-
b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ	-	18.769.000.000
- Tiền trả nợ gốc vay	-	18.769.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ: Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường Kênh Dương - Quận Lê Chân - TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính Công ty mẹ

Cho Quý II năm 2024 kết thúc ngày 30/06/2024

VIII- CÁC THÔNG TIN KHÁC**GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

1. Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt	06 tháng năm 2024	06 tháng năm 2023
Thu nhập của các thành viên trong Ban giám đốc, HĐQT và người quản lý	1.521.860.550	2.525.057.567
Ông Nguyễn Ngọc Ánh - Chủ tịch HĐQT	40.000.000	-
Ông Trần Văn Nghi - Chủ tịch HĐQT	-	599.200.037
Ông Vương Ngọc Sơn - Phó chủ tịch HĐQT	34.000.000	24.000.000
Ông Dương Ngọc Tú - Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc	432.767.229	581.093.732
Bà Vũ Thị Phương Thảo - Thành viên HĐQT	8.000.000	-
Ông Trần Dũng Chiến - Thành viên HĐQT	-	24.000.000
Ông Đào Trọng Sứ - Thành viên HĐQT	-	24.000.000
Ông Phạm Bá Chính - Thành viên HĐQT	34.000.000	-
Ông Nguyễn Quang Duy - Phó Tổng giám đốc	297.483.240	407.058.505
Ông Lê Văn Thái - Phó Tổng giám đốc	313.868.255	422.325.394
Bà Trần Thị Thanh Hương - Kế toán trưởng	281.741.826	383.379.899
Bà Lê Thị Liên Hương - Trưởng ban kiểm soát	34.000.000	24.000.000
Bà Nguyễn Hà Thanh - Thành viên Ban kiểm soát	23.000.000	18.000.000
Bà Phan Nha Trang - Thành viên Ban kiểm soát	-	18.000.000
Ông Phan Văn Hưng - Thành viên ban kiểm soát	23.000.000	-
2. Giao dịch với các bên liên quan		
2.1. Với công ty mẹ - Tổng công ty Hàng hải Việt Nam	Ngày 30/06/2024	Ngày 01/01/2024
- Phải thu ngắn hạn khách hàng	-	-
- Phải trả người bán ngắn hạn	-	-
- Cổ tức phải trả Tổng công ty Hàng hải Việt Nam	6.000.000.000	6.600.000.000
- Phải trả khác	-	-
2.2 Với công ty con - Công ty TNHH Dịch vụ hàng hải Vinaship	Ngày 30/06/2024	Ngày 01/01/2024
- Phải thu ngắn hạn khách hàng	4.400.000	-
	06 tháng năm 2024	06 tháng năm 2023
- Doanh thu	34.756.230	29.455.782
- Mua hàng hóa, dịch vụ	-	-
- Thu nhập bán TSCĐ	25.000.000	-
2.3 Với chi nhánh Công ty TNHH Vận tải hàng Công nghệ cao tại Hải Phòng	Ngày 30/06/2024	Ngày 01/01/2024
- Phải thu ngắn hạn khách hàng	140.068.609	93.569.673
- Phải trả người bán ngắn hạn	-	-
	06 tháng năm 2024	06 tháng năm 2023
- Doanh thu	420.205.824	510.380.028
- Mua hàng hóa, dịch vụ	-	-
2.3 Với Công ty CP thương mại và dịch vụ VOSCO	Ngày 30/06/2024	Ngày 01/01/2024
- Phải thu ngắn hạn khách hàng	-	-
- Phải trả người bán ngắn hạn	141.859.000	226.258.500
	06 tháng năm 2024	06 tháng năm 2023
- Doanh thu	-	-
- Mua hàng hóa, dịch vụ	1.013.140.000	1.525.165.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ: Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường Kênh Dương - Quận Lê Chân - TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính Công ty mẹ

Cho Quý II năm 2024 kết thúc ngày 30/06/2024

4) Trình bày doanh thu, chi phí, kết quả SXKD theo từng hoạt động:

Các hoạt động	Quý II năm 2024	06 tháng năm 2024	Quý II năm 2023	06 tháng năm 2023
Vận tải biển				
- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	123.463.789.024	220.214.194.301	124.297.520.028	262.789.310.404
- Chi phí	124.377.373.671	232.836.939.408	127.080.347.008	267.499.945.825
- Lợi nhuận	(913.584.647)	(12.622.745.107)	(2.782.826.980)	(4.710.635.421)
Vận tải biển thuê tàu ngoài				
- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	28.256.095.178	52.765.442.738	1.355.065.755	31.068.671.513
- Chi phí	26.698.697.683	50.269.363.558	1.818.339.882	30.101.205.825
- Lợi nhuận	1.557.397.495	2.496.079.180	(463.274.127)	967.465.688
Hoạt động dịch vụ				
- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	6.033.689.112	7.185.860.126	1.023.317.470	2.121.419.942
- Chi phí	5.868.549.374	6.200.060.542	509.178.257	904.318.181
- Lợi nhuận	165.139.738	985.799.584	514.139.213	1.217.101.761
Hoạt động tài chính				
- Doanh thu tài chính	5.232.417.519	10.870.235.105	4.118.846.344	10.228.387.336
- Chi phí tài chính	182.781.143	261.965.757	939.467.563	5.901.450.970
- Lợi nhuận từ hoạt động tài chính	5.049.636.376	10.608.269.348	3.179.378.781	4.326.936.366
Hoạt động khác				
- Thu nhập hoạt động khác	28.833.337.897	33.393.983.640	13.402.229	26.201.004
- Chi phí hoạt động khác	404.190.720	404.190.720	91.957.200	442.136.868
- Lợi nhuận hoạt động khác	28.429.147.177	32.989.792.920	(78.554.971)	(415.935.864)

Người lập

Nguyễn Bảo Ngọc

Kế toán trưởng

Trần Thị Thanh Hương

Tổng giám đốc

Dương Ngọc Tú